TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUANG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:24/2021/HSST.
Ngày : 26/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa : Ông **Trương Văn Biểu.**
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông : **Nguyễn Tấn Hương.**
2. Ông : **Nguyễn Văn Thư.**

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên Tòa: Bà **Nguyễn Trần Anh Vân –** Kiểm sát viên.

Ngày 65 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 18/2021/TL-HSST ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ tên: **NGUYỄN CAO C,** Giới tính: Nam.
Tên gọi khác: Không có.
Sinh ngày 04 tháng 4 năm 2000; tại: B. S, Quảng Ngãi.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Nơi cư trú: Vĩnh Tr, B. Th, B. S, Quảng Ngãi.
Nghề nghiệp: Không.
Trình độ học vấn: 9/12.
Họ và tên cha: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1968.
Họ và tên mẹ: Đặng Thị Thanh V, sinh năm: 1974.
Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo là con út trong gia đình.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" tại Nhà tạm giữ Công an huyện Núi Thành từ ngày 07/11/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **NGUYỄN DUY Đ,** Giới tính: Nam.
Tên gọi khác: Không có.
Sinh ngày 01 tháng 9 năm 2000; tại: B. S, Quảng Ngãi.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.
Nơi cư trú: S. Tr 1, B. Đ, B. S, Quảng Ngãi.
Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 9/12.

Họ và tên cha: Nguyễn Tuấn, sinh năm: 1968.

Họ và tên mẹ: Hồ Thị Mai, sinh năm: 1969.

Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo là con út trong gia đình

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" tại Nhà tạm giữ Công an huyện Núi Thành từ ngày 07/11/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: **TRẦN THỊ KH. L,** Giới tính: Nữ.

Tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày 10 tháng 3 năm 2003; tại: B. S, Quảng Ngãi.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nơi cư trú: V. Tr, B. Th, B. S, Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 9/12.

Họ và tên cha: Trần Anh B, sinh năm: 1979.

Họ và tên mẹ: Trần Thị N, sinh năm: 1983.

Bị cáo chưa có chồng. Bị cáo có con nhỏ sinh năm 2021.

Bị cáo là con đầu trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa:** Ông Trịnh Văn Hoàng – trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam, bào chữa cho bị cáo Trần Thị Khánh Ly. Ông Hoàng có mặt.

- **Người bị hại:**

+ Bà Nguyễn Thị H. N, sinh năm: 1987, trú tại: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Trịnh M. Th, sinh năm: 1996, trú tại: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Phước Đ, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn Tr, xã B, huyện B. S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị Thanh V, sinh năm: 1974, địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện B. S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 23/10/2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên C rủ Đ đi ra Núi Thành tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Đang đồng ý.

Đang điều khiển xe môtô BKS 76C1-554.50, là xe của Đ, chở C đi đến xã Q, N, Quảng Nam để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi Đ và C đi dạo dọc đường bê tông thuộc thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam thì phát hiện xe môtô BKS 92N1-274.69, loại xe Sirius, là xe của Nguyễn Thị H. N, đang dựng ở phía

trước nhà Nguyễn Đức S trên xe có cắm chìa khóa, nên Đ và C nảy sinh ý định trộm cắp.

Đang quay đầu xe lại, dừng lại để C xuống xe, đi lại lén lút bật chìa khóa nổ máy xe 92N1-274.69 rồi chạy về hướng Quảng Ngãi. Trên đường chạy về, C và Đ ghé vào một tiệm cầm đồ (không nhớ rõ địa chỉ) hỏi xin một tờ giấy mua bán xe, Đ và C vào quán cà phê (không nhớ rõ địa chỉ) ngồi ghi giấy mua bán xe. Sau đó, C chạy xe môtô 92N1-274.69 về phòng trọ còn Đ đi về nhà.

C dắt xe môtô 92N1-274.69 vào trong phòng trọ thì L có hỏi là xe ở đâu, C nói xe C mua để đi làm và đưa giấy mua bán cho L xem, L nghĩ là xe C mua và không nói gì thêm.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 24/10/2020, C chạy xe môtô 92N1-274.69 đến tiệm cầm đồ Phước Đạt thuộc thôn Trung A, xã B. huyện B.S, Quảng Ngãi, do Lê Phước Đ là chủ tiệm để cầm. Lê Phước Đ hỏi xe ở đâu thì C nói là xe của C, rồi C đưa toàn bộ giấy tờ xe và giấy mua bán cho Phước Đ. Phước Đ cầm xe môtô BKS 92N1-274.69 với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Sau đó, C về đưa cho Đ 1.500.000 đồng, số tiền còn lại C tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp đó, vào trưa ngày 27/10/2020, Đang chạy xe máy đến phòng trọ của C chơi. C và Đ ra phía trước phòng trọ nói chuyện, L nằm trong phòng trọ. Quá trình nói chuyện, do cần tiền tiêu xài nên C tiếp tục rủ Đ đi ra Núi Thành, Quảng Nam để trộm cắp, Đ đồng ý.

Đ điều khiển xe môtô BKS 76C1-554.50 chở C đến xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam để trộm cắp. Khi đi dạo dọc đường bê tông thuộc thôn A, xã Q, Núi Thành, Quảng Nam, C và Đ phát hiện xe môtô BKS 92N1-431.37, loại xe exciter, là xe của Trịnh M. Th đang dựng ở trước nhà, trên xe có chìa khóa, nên Đ chở C dạo qua lại hai ba vòng, rồi Đ dừng xe máy, C đi lại, lên xe nổ máy rồi cả hai chạy về hướng B.S, Quảng Ngãi.

Đ và C chạy xe mô tô trộm cắp được đem về cất giấu tại phòng trọ của C. L thấy C dắt xe vào cất thì có hỏi "xe máy này ở đâu mà có", C trả lời "Xe này trộm cắp cùng với Đ ở Núi Thành", L biết rõ xe mô tô là tài sản trộm cắp nhưng không nói gì. Đ chạy xe về nhà còn C và L ở tại phòng trọ. L biết đó là tài sản trộm cắp nhưng vẫn giấu cho C và Đ chứ không báo cơ quan chức năng.

Đến 08 giờ 00 phút ngày 29/10/2020, C điều khiển xe môtô BKS 92N1-431.37 chở L về nhà C chơi, rồi chở L đến tiệm cầm đồ Phước Đạt để cầm xe. Phước Đ hỏi Cg xe trên ở đâu mà có, C trả lời là xe của vợ chồng C, C cầm đỡ nửa tháng rồi chuộc lại, Phước Đ đồng ý cầm với số tiền 15.000.000 đồng.

Sau đó, C về nhà đưa cho Đặng Thị Thanh V là mẹ ruột của C số tiền 5.000.000đồng ; C nhờ Đ đi chuộc hai chiếc điện thoại di động đã cầm cố hết 3.000.000 đồng và trả nợ hết 4.000.000 đồng , còn lại số tiền 2.000.000 đồng C giữ trong người và bị Công an tạm giữ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 74/2020-KLĐGTS ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận, giá trị tài sản của xe môtô BKS 92N1-431.37 là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 78/2020-KLĐGT ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện Núi Thành xác định giá trị của xe môtô BKS 92N1-274.69 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe môtô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh, BKS: 92N1-431.37; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 023147 do Công an huyện Núi Thành cấp ngày 12/10/2017 mang tên Trịnh M. Th;

- 01 (một) CMND mang tên Nguyễn Cao C;

- 01 (một) xe môtô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, BKS: 92N1-274.69; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô BKS: 92N1-274.69, mang tên Nguyễn Thị H N;

- 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại xe Winner, màu đen, BKS: 76C1-554.50 của Nguyễn Duy Đ;

- 01 (một) hợp đồng cầm cố tài sản ngày 24/10/2020 giữa Lê Phước Đ và Nguyễn Cao C;

- 01 (một) hợp đồng cầm cố tài sản ngày 29/10/2020 giữa Lê Phước Đ và Nguyễn Cao C;

- 01 (một) hợp đồng mua bán xe môtô BKS: 92N1-274.69 ngày 10/03/2020 giữa Nguyễn Thị HN và Nguyễn Cao C;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1080, màu đen có số sim: 0988.894.601 của Nguyễn Cao C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5, màu đen có số sim: 0376.684.465, của Trần Thị Khánh L;

- Số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Đặng Thị Thanh V nộp khắc phục hậu quả số tiền 6.500.000 đồng. (*BL 94, 95*)

- Hồ Thị M nộp khắc phục hậu quả số tiền 1.500.000 đồng. (*BL 96*)

* Phần dân sự: Các bị hại Trịnh M. Th, Nguyễn Thị H. N đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết; Lê Phước Đ không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKS-NT ngày 06/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Nguyễn Cao C và Nguyễn Duy Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Thị Khánh L về tội "Không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng số 17/CT-VKSNT ngày 06/4/2021 của VKSND huyện Núi Thành, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Duy Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm a khoản 2

Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức án đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức án đối với bị cáo Nguyễn Cao C từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 390, điểm h, i, n, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức án đối với bị cáo Trần Thị Khánh L từ 06 tháng đến 09 tháng phạt tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công: 01 (một) xe môtô BKS 76C1-554.50, nhãn hiệu Honda, loại xe Winner, màu đen; số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Thị H N, Trinh M Th đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết; Ông Lê Phước Đ không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Đối với các vấn đề khác có liên quan đến vụ án đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, và lời nói sau cùng, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào các ngày 23/10/2020 và 27/10/2020 Nguyễn Cao C và Nguyễn Duy Đ đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất đi trộm cắp tài sản, Đang điều khiển xe mô tô BKS 76C1-554.50 chở C đến khu vực thuộc thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam lén lút trộm cắp xe môtô BKS BKS 92N1-274.69, loại xe Sirius của bà Nguyễn Thị H. N, trị giá 12.000.000 đồng và xe môtô BKS 92N1-431.37, loại xe exciter của ông Trịnh Minh Thời, trị giá 28.000.000 đồng. Sau đó, C mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ Phước Đạt thuộc thôn Trung An, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, do Lê Phước Đ làm chủ với số tiền 22.000.000 đồng, cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi của C và Đ đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*trộm cắp*

tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Trần Thị Khánh L biết rõ C và Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp xe môtô BKS 92N1- 431.37 vào ngày 27/10/2020 nhưng đã không tố giác hành vi tội phạm của C và Đ. Hành vi của Ly đầy đủ yếu tô cấu thành tội "*Không tố giác tội phạm*" theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Trộm cắp tài sản là hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Bị cáo C, Đ là người đã thành niên, bị cáo có đủ khả năng nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Khi thực hiện tội phạm các bị cáo có sự bàn bạc, phân công, trong đó C là người chủ mưu, cầm đầu với sự giúp sức của Đ nên các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. C là người khởi xướng nên cần có mức án phù hợp cao hơn mức án của Đang nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Mặt khác, C và Đang thực hiện hành vi trộm cắp hai lần, giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi của các bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình.

[4] Song cũng xét, sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Các bị cáo đã khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khỏan 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Ly là người đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, biết C và Đ trộm cắp tài sản nhưng không tố giác cũng không có lời lẽ khuyên răn Cường, cần có mức án phù hợp để ngăn ngừa, giáo dục đối với L cũng như chung cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội đang mang thai; hiện tại đã sinh con và đang nuôi con nhỏ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hậu quả gây ra không lớn, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điêm h, i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình, không cần phải cách ly bị cáo.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra công an huyện Núi Thành đã xử lý vật chứng như sau:

* Trả lại cho chủ sở hữu các tài sản:

- Trả lại Trịnh Minh Thời 01 xe môtô BKS 92N1-431.37, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 023147 do Công an huyện Núi Thành cấp ngày 12/10/2017.

- Trả lại Nguyễn Thị H.N 01 xe môtô BKS 92N1-274.69, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 92N1- 274.69.

- Trả lại Nguyễn Cao C 01 chứng minh nhân dân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1808, màu đen, có số sim: 0988.894.601.

- Trả lại Trần Thị Khánh L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5, màu đen, có số sim: 0376.684.465.

Xe là tài sản hợp pháp của bị hại nên trả lại cho các bị hại là thỏa đảng. Các vật chứng còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội nên việc trả lại vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật.

* Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án huyện Núi Thành:

- 01 (một) xe môtô BKS 76C1-554.50, nhãn hiệu Honda, loại xe Winner, màu đen là xe dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ.

Đối với vật chứng gồm:

- 01 (một) hợp đồng cầm cố tài sản ngày 24/10/2020 giữa Lê Phước Đ và Nguyễn Cao C;

- 01 (một) hợp đồng cầm cố tài sản ngày 29/10/2020 giữa Lê Phước Đ và Nguyễn Cao C, nội dung cầm xe môtô BKS 92N1-431.37;

- 01 (một) hợp đồng mua bán xe môtô BKS 92N1-274.69 vào ngày 10/3/2020 giữa Nguyễn Thị H.N và Nguyễn Cao C.

Cần lưu tại hồ sơ đểm làm căn cứ giải quyết vụ án.

* Hiện đang gửi tại tài khoản tạm gửi Công an huyện Núi Thành:

- Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Các bị hại đã nhận lại tài sản, ngoài ra không thiệt hại gì khác và không có yêu cầu gì khác. Đối với ông Đ không biết đây là tài sản trộm cắp, lẽ ra có quyền yêu cầu bị cáo Nguyễn Cao C hoàn trả cho mình số tiền cầm cố tài sản là 22.000.000 đồng nhưng Đ không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của ông Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Tuy nhiên số tiền các bị cáo cầm cố 22.000.000 đồng là tiền do trộm cắp tài sản mà có, là tiền thu lợi bất chính, do vậy cần tịch thu số tiền 10.000.000 đồng và truy thu số tiền còn lại là 12.000.000 đồng để sung công quỹ. Do Đ được C chia cho số tiền 1.500.000 đồng và đã nộp lại số tiền 1.500.000 đồng (do mẹ là bà Hồ Thị M nộp) để khắc phục hậu quả, nên số tiền 12.000.000 đồng buộc phải truy thu của Nguyễn Cao C để sung công quỹ là thỏa đáng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Cao C và **Nguyễn Duy Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Trần Thị Khánh Ly phạm tội "Không tố giác tội phạm".

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Cao C** 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/11/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Duy Đ** 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 390, điểm h, i, s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Trần Thị Khánh L** 06 (*sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thủ thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Trần Thị Khánh L** cho ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ 01 (một) xe môtô BKS 76C1-554.50, nhãn hiệu Honda, loại xe Winner, màu đen số khung 2605GY384484, số máy KC26B1231283 của bị cáo Đ (*hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2020*) và số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng (tạm gửi tại số tài khoản tạm gửi 3949.0.9042536.00000 của Công an huyện Núi Thành mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Núi Thành theo giấy nộp tiền ngày 09/3/2021). Truy thu sung công quỹ của bị cáo C số tiền 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ quốc hội Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu là: 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng);*

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân;
- Bị cáo;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trương Văn Biểu